

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M L  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

=== \*&\*===

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

----- \*&\*-----

Bản án số: 351 /2020/NHGD-ST

Ngày 18 /12 /2020

V/v ly hôn giữa chị Nh và anh D

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M L- THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên Tòa:* Bà Lương Thị Diệu Kim

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hà

Ông Hoàng Văn Thái

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh- Thẩm tra viên TAND huyện M L- thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M L tham gia phiên tòa:**

Bà Phạm Thanh Dung- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXX-ST ngày 7 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Nh** – SN 1987

\* Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức D** – SN 1987

\* Người đại diện hợp pháp cho anh D: Anh **Nguyễn Đức H**- SN 1983

Đều trú tại: thôn Ch, xã T, huyện M L, Hà Nội

\*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh D: Ông **Nguyễn Văn Tuấn**- Trợ giúp viên pháp lý- Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 5- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội.

(Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Tại Đơn khởi kiện ngày 16/6/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị Nh trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Đức D kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Trước khi kết hôn hai người không được tìm hiểu nhau mà do mai mối nên chị đồng ý lấy anh D. Sau khi cưới chị về nhà chồng chung sống, trong thời gian chung sống vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì lớn chủ yếu do anh D không có con, anh chị đi chạy chữa nhiều nơi nhưng không có kết quả, bản thân chị cũng đi cấy thai



mấy lần mà không được. Chị thấy cuộc sống vợ chồng không có tương lai, hạnh phúc không đảm bảo nên chị đã bỏ nhà chồng về nhà ngoại sinh sống từ tháng 7/2018. Gia đình anh D có đến gọi nhưng chị không về nữa, chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh D vì chị không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị và anh D không có con chung. Trong thời gian sống ở nhà ngoại chị đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, ngày 22/9/2020 chị đã sinh con gái dự định đặt tên là Lê Ngọc A theo giấy chứng sinh số HS22092020231128/GCS-BVML của Bệnh viện đa khoa khu vực M L. Chị đề nghị Tòa án xác định cháu Lê Ngọc A là con riêng của chị.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Nh xác định không có .

*\* Người đại diện hợp pháp cho bị đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:*

Anh là anh trai anh Nguyễn Đức D, do anh D bị ảnh hưởng chất độc da cam nên bị câm điếc bẩm sinh không nói được nhưng vẫn hiểu cử chỉ của mọi người, đồng thời anh D cũng ra hiệu và anh là người sống cùng trong gia đình nên hiểu được anh D muốn gì. Năm 2011 anh D kết hôn với chị Nh có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống hai vợ chồng bình thường, khoảng tháng 7/2018 chị Nh bỏ nhà anh đi, gia đình anh có đến gọi nhưng chị Nh không về. Nay chị Nh xin ly hôn em trai anh gia đình anh nhất trí không có ý kiến gì.

- Về con chung: Chị Nh, anh D không có con chung

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: không có

Tại phiên tòa chị Nh vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh D và không đề nghị giải quyết về tài sản, công sức, công nợ. Về con đề nghị Tòa án xác định cháu Lê Ngọc A là con riêng của chị. Anh H đại diện hợp pháp cho bị đơn nhất trí với ý kiến của chị Nh,

*\*Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh D phát biểu quan điểm:*

Chị Trần Thị Nh và anh Nguyễn Đức D trong cuộc sống phát sinh mâu thuẫn vì không có con chung, hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2018 do đó việc cho hai anh chị ly hôn là đúng quy định của pháp luật. Về con đề nghị xác định cháu Lê Ngọc A là con riêng của chị Nh; tài sản chung công sức công nợ hai anh chị đều xác định không có.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M L phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tại phiên tòa. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nh đối với anh D



Áp dụng Điều 51,56,88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147,271,273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Cho chị Trần Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Đức D. Về con chung xác định cháu Lê Ngọc A là con riêng của chị Nh, giao cho chị Nh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tài sản chung, công sức, công nợ không xem xét, giải quyết.

Về án phí chị Nh phải chịu theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đ- ọc thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Nh khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Đức D, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D là bị đơn hiện đang cư trú tại thôn Ch- xã T- huyện M L- Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện M L theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Nh và anh Nguyễn Đức D kết hôn trên cơ sở mai mối tuy nhiên đã được được chính quyền UBND xã T- ML- Hà Nội công nhận đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Theo trình bày của chị Nh, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do anh D bị câm điếc bẩm sinh, không có con đi chạy chữa nhiều nơi không có kết quả. Chị thấy cuộc sống vợ chồng không có tương lai nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ tháng 7/2018.

Người đại diện hợp pháp cho anh D xác định anh D bị câm điếc bẩm sinh do ảnh hưởng chất độc da cam. Chị Nh đã bỏ đi khỏi nhà anh từ tháng 7/2018, gia đình anh có đến gọi nhưng chị không về, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nh được ly hôn anh D.

Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nh, anh D do được mai mối kết hôn với nhau. Anh D bị câm điếc bẩm sinh do ảnh hưởng chất độc da cam và không có con, chị Nh đã bỏ đi từ tháng 7/2018. Điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của hai anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, việc cho chị Nh được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014.

[4] Về con chung: không có

Trong thời gian sống ly thân chị Nh đã có thai với người đàn ông khác, theo kết quả xét nghiệm AND của Trung tâm phân tích AND và công nghệ di truyền ngày 9/11/2020 kết luận cháu Lê Ngọc A không phải là con của ông Nguyễn Đức D, do đó cần xác định cháu Lê Ngọc A sinh ngày 22/9/2020 là con riêng của chị Trần Thị Nh là phù hợp với quy định tại Điều 88 Luật hôn nhân gia đình.



[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: không có

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nh phải chịu theo quy định của pháp luật.  
Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.  
Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51,56, 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Xử.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Nh và anh Nguyễn Đức D

2. Con chung: không có

Xác định cháu Lê Ngọc A (tên dự định đặt trong giấy chứng sinh), sinh ngày 22/9/2020 theo giấy chứng sinh số HS22092020231128/GCS-BVML của Bệnh viện đa khoa khu vực M L là con riêng của chị Trần Thị Nh. Giao cho chị Trần Thị Nh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc A cho đến khi cháu 18 tuổi trưởng thành.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Không có

4. Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị Nh phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009655 ngày 9/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Chị Nh đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nh, anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND M L
- Chi cục THA M L
- Các đ-ơng sự
- UBND xã T
- L- u HS, VP..

**Lương Thị Diệu Kim**











